

**GIỚI THIỆU NỘI DUNG
CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Luật số 132/2025/QH15 được ban hành có những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ *"tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững"*. Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-KL/TW ngày 25/10/2017, trong đó đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *"Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển"*...

1.2. Kết luận số 12-KL/TW năm 2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Chỉ thị 27-CT/TW năm 2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Chỉ thị 04-CT/TW năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; Quy định số 287-

QĐ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về thu hồi tài sản do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

1.3. Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; Kết luận số 105/KL-TW năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

1.4. Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quy định 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Quy định số 189-QĐ/TW 08/10/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Quy định số 231-QĐ/TW ngày 17/01/2025 của Bộ Chính trị về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

1.5. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Thanh tra năm 2025, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Cán bộ, công chức năm 2025, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 06 năm thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng cho thấy công tác phòng, chống tham nhũng đã có những bước tiến quan trọng, mạnh mẽ, với nhiều

chủ trương, giải pháp đột phá, đi vào chiều sâu, đạt nhiều kết quả rất tích cực, toàn diện; tham nhũng được kiềm chế, từng bước ngăn chặn và có chiều hướng thuyên giảm. Công tác phát hiện và xử lý tham nhũng được chỉ đạo và thực hiện bài bản, đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, tạo bước đột phá trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng đã phát sinh một số bất cập, hạn chế: một số chủ trương, chính sách của Đảng về phòng, chống tham nhũng chưa được thể chế hóa kịp thời thành pháp luật; cơ chế, chính sách, pháp luật còn thiếu đồng bộ, chưa giải quyết triệt để những vấn đề thực tiễn đặt ra; các quy định về kê khai tài sản, thu nhập chưa đầy đủ, quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập còn có nhiều cách hiểu, thực hiện chưa thống nhất và còn lúng túng, gặp nhiều vướng mắc trong thực hiện, hiệu quả đạt được còn hạn chế; một số quy định chưa theo kịp thực tiễn phát triển kinh tế xã hội; chưa phát huy được vai trò của khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý; mô hình tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương và hệ thống các cơ quan thanh tra có thay đổi lớn nên một số quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 không còn phù hợp.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng là rất cần thiết.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục tiêu

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng để bảo đảm thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng về phòng, chống tham nhũng; phù hợp với các chủ trương, chính sách của Đảng và hệ thống pháp luật về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; khắc phục những hạn chế, bất cập của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Quan điểm

Một là, thể chế hóa đầy đủ quan điểm chỉ đạo, chủ trương, chính sách của Đảng, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các lĩnh vực; hoàn thiện các quy định về các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, trong đó chú trọng công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc tham nhũng, tiêu cực...

Hai là, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm tính khả thi và sự phù hợp giữa quy định của pháp luật với quy định của Đảng.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện, khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập của Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14, đặc biệt là các quy định về biện pháp phòng ngừa tham nhũng như quy định về trách nhiệm giải trình; cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; kê khai tài sản, thu nhập và xác minh tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

III. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục của Luật

Luật số 132/2025/QH15 gồm 02 Điều, trong đó: Điều 1 sửa đổi, bổ sung 21 Điều và thay thế 06 cụm từ tại 06 Điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14; Điều 2 quy định hiệu lực thi hành Luật từ ngày 01/7/2026.

2. Một số nội dung cơ bản của Luật

2.1. Về các hành vi bị nghiêm cấm

Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 Luật Phòng, chống tham nhũng tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật để bảo đảm thể chế hóa kịp thời các yêu cầu tại Quy định số 231-QĐ/TW ngày 17/01/2025 của Bộ Chính trị về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đồng thời, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan. Luật đã bổ sung 05 nhóm hành vi vào khoản 2 và bổ sung khoản 3a tại Điều 8, cụ thể là:

“2. Thực hiện các hành vi sau đây đối với người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng:

a) Đe dọa, dùng bạo lực, gây áp lực, vu khống, cô lập, xúc phạm hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng;

b) Xâm phạm bất hợp pháp nhà ở, chỗ ở, chiếm giữ, hủy hoại tài sản, xúc phạm nhân phẩm, danh dự hoặc có hành vi ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn cá nhân của người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng;

c) Trả thù hoặc thuê, nhờ, xúi giục người khác uy hiếp tinh thần, trả thù người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng;

d) Thực hiện không đúng quy định, phân biệt đối xử, đề ra tiêu chí, điều kiện, nhận xét, đánh giá mang tính áp đặt gây bất lợi trong công tác cán bộ, khen thưởng, kỷ luật đối với người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng; luân chuyển, điều động, biệt phái người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng khi đang giải quyết vụ việc;

đ) Gây khó khăn, cản trở khi thực hiện chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước, giải quyết các thủ tục hành chính, các dịch vụ công theo quy định của pháp luật, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghề nghiệp, việc làm, lao động, học tập hoặc thực thi nhiệm vụ của người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng.”.

“3a. Ngăn chặn, hủy bỏ thông tin, tài liệu, chứng cứ về phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng; che giấu, không báo cáo, trì hoãn hoặc xử lý, xác minh đề nghị, yêu cầu được bảo vệ không đúng quy định; tiết lộ các thông tin cần được giữ bí mật trong quá trình bảo vệ; không kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ; không thay đổi thành viên thực hiện nhiệm vụ bảo vệ khi có căn cứ xác định thành viên đó thiếu trách nhiệm, không khách quan trong thực hiện nhiệm vụ.”.

2.2. Về trách nhiệm giải trình

Để bảo đảm thể chế hóa Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 26/10/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ, Luật số 132/2025/QH15 quy định: “Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải

trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó”. Qua đó tăng cường trách nhiệm giải trình trực tiếp của cá nhân đối với hoạt động công vụ, chức trách, nhiệm vụ được giao thực hiện.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết nguyên tắc, đối tượng, nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân về thực hiện trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ.

2.3. Về báo cáo, công khai báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng

- Luật số 132/2025/QH15 điều chỉnh bổ sung trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp với Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng cùng cấp trong phạm vi cả nước và ở địa phương; đồng thời lược bỏ trách nhiệm báo cáo phòng, chống tham nhũng của cấp huyện để phù hợp mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp.

- Điều chỉnh bố cục, nội dung báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng đảm bảo tính khoa học, rõ ràng, cụ thể hơn, phù hợp với phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương.

2.4. Về tiêu chí đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng

Luật số 132/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chí đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng theo hướng quy định chung về các nội dung đánh giá cho phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương. Luật giao Chính phủ quy định các tiêu chí đánh giá nhằm bảo đảm tính chủ động và tính chịu trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng.

2.5. Về ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý

Thê chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó yêu cầu: *“Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo*

đảm quốc phòng và an ninh”; đồng thời để phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội và khoa học, công nghệ ứng dụng, Luật số 132/2025/QH15 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tăng cường đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Các cơ quan bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm đẩy mạnh xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi trách nhiệm của mình; kết nối, tích hợp, chia sẻ đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm liên thông, an toàn thông tin; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số theo quy định của pháp luật.

2.6. Về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập

Để khắc phục những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các quy định về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tại Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và thể chế hóa các chủ trương, chính sách, quy định của Đảng về công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, đặc biệt là Quyết định số 56-QĐ/TW về Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và Quy định số 296-QĐ/TW về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, Luật số 132/2025/QH15 quy định cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập gồm: (1) Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên; (2) Thanh tra Chính phủ; (3) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; (4) Văn phòng Quốc hội; (5) Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước; (6) Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (7) Thanh tra tỉnh, thành phố. Đồng thời, quy định cụ thể, rõ ràng, đầy đủ hơn về thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

Luật giao Chính phủ quy định việc kiểm soát tài sản, thu nhập đối với những người không thuộc đối tượng kiểm soát tài sản, thu nhập của các cơ quan, tổ chức nêu trên để bảo đảm đầy đủ, không bỏ sót người có nghĩa vụ kê khai.

2.7. Về giá trị tài sản, mức thu nhập phải kê khai và kê khai bổ sung

Để phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, khi điều kiện kinh tế xã hội phát triển, quy định về mức lương và thu nhập hợp pháp của công chức, người

có chức vụ, quyền hạn tăng khoảng 03 lần so với thời điểm năm 2018, Luật số 132/2025/QH15 quy định giá trị mỗi loại tài sản phải kê khai (kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá trị và tài sản khác) từ 150.000.000 đồng trở lên và giá trị tài sản, thu nhập phải kê khai bổ sung khi có biến động tài sản, thu nhập trong năm từ 1.000.000.000 đồng trở lên.

Luật quy định về theo dõi biến động tài sản, thu nhập và căn cứ xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai, cụ thể: “Trường hợp phát hiện có biến động tài sản, thu nhập trong năm từ 1.000.000.000 đồng trở lên mà người có nghĩa vụ kê khai không kê khai thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập yêu cầu người đó cung cấp, bổ sung thông tin có liên quan; trường hợp tài sản, thu nhập có biến động tăng thì phải giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”; cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập xác minh tài sản, thu nhập của người kê khai khi “Có biến động tăng về tài sản, thu nhập trong năm từ 1.000.000.000 đồng trở lên mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc”.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết tài sản, thu nhập phải kê khai, mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập.

2.8. Về người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

- Luật số 132/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, quy định nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập liên quan đến đảng viên, người thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và đảng viên chuyên trách công tác đảng hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy thực hiện việc kê khai hằng năm theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật.

- Để đáp ứng yêu cầu công tác phòng, chống tham nhũng trong điều kiện hiện nay và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật số 132/2025/QH15 quy định người được giao tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập. Chính phủ quy định các trường hợp phải kê khai tài sản, thu nhập tại doanh

nghiệp nhà nước là những người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và một số chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp nhà nước mà không bao gồm người nước ngoài hoặc người thuộc khu vực ngoài nhà nước.

2.9. Về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập

Để tăng cường hiệu quả hoạt động xác minh tài sản, thu nhập khắc phục những hạn chế, khó khăn do số lượng người thuộc diện phải xác minh tài sản thu nhập là rất lớn, Luật số 132/2025/QH15 điều chỉnh quy định trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập theo hướng bổ sung yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai và yêu cầu người được xác minh giải trình về tài sản, thu nhập của mình.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên.

2.10. Về thẩm quyền của cơ quan thanh tra trong thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng

Luật số 132/2025/QH15 điều chỉnh theo hướng quy định trách nhiệm cụ thể của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước trong thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng để phù hợp thực tiễn mô hình tổ chức các cơ quan thanh tra hiện nay. Cụ thể: “Thanh tra Chính phủ thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, doanh nghiệp nhà nước do Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý thực hiện, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; người công tác tại cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoạt động; người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại chính quyền địa phương thực hiện;

Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện”.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết việc thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng.

2.11. Một số nội dung khác

Luật số 132/2025/QH15 điều chỉnh, sửa đổi một số nội dung khác đảm bảo tính phù hợp thực tiễn và quy định của pháp luật liên quan như: tiếp nhận, xử lý phản ánh về hành vi tham nhũng; tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn tố cáo và giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng; bổ sung thẩm quyền, trách nhiệm xét xử phúc thẩm các vụ án tham nhũng của Tòa án nhân dân tối cao...
